TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn."*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Trường Sơn
2. Ông Đinh Mạnh Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX - ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu Th, sinh năm 1996; địa chỉ: Tầng 4, số 63-3, ngõ 394, khu 2, đường NS, quận Luzhu, thành phố ĐV, lãnh thổ Đài Loan (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: CT 1A, khu đô thị ĐC, phường ĐC, quận HM, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: thôn HX, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại phân trại 1, trại giam NK, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th; địa chỉ: thôn HX, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, ngày 15 tháng 12 năm 2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu Th và anh Trần Văn T có được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2013 tại UBND xã ĐL, huyện LN, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 3 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T không chịu làm ăn, hay tụ tập bạn bè, về nhà thường xuyên chửi mắng vợ con và làm những việc vi phạm pháp luật. Chị Th đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giảm ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2019, chị Th gửi hai con cho ông bà nội nhờ chăm sóc nuôi dưỡng, chị Th đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan từ tháng 9 năm 2019 để có nguồn thu nhập nuôi hai con, đến nay chưa về. Anh T hiện đang chấp hành án tại phân trại 1 Trại giam NK, tỉnh Ninh Bình về tội Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh T thực sự không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, chung sống với nhau được nữa, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị Th và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 22/02/2014 và cháu Trần Hải N, sinh ngày 10/7/2015, cả hai cháu đang học tại trường tiểu học Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam. Hiện tại cả hai cháu đều đang sống cùng với ông bà nội (bố mẹ anh T) là ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ: thôn HX, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam. Khi ly hôn chị Th xin được nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay chị Th đang đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan không về Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với anh T được, chị Th làm đơn đề nghị xin giải quyết xét xử vắng mặt. Mọi thủ tục giấy tờ chị Th đã có văn bản ủy quyền cho chị Vũ Thị Nh, sinh năm 1982, địa chỉ: CT1A, khu đô thị ĐC, phường ĐC, quận HM, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền của chị Th giao nộp tài liệu và nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Th.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2023 bị đơn anh Trần Văn T trình bày: anh Trần Văn T và chị Trương Thị Thu Th kết hôn năm 2013 có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đạo Lý, huyện LN, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ anh T ở thôn HX, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc và sinh được hai con. Năm 2019 chị Th đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, ngày 26/3/2020 anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại Trại giam NK, tỉnh Ninh Bình thời gian là 6 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh T đồng ý

ly hôn.

Về con chung: anh T và chị Th có 02 con chung là cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 22/02/2014 và cháu Trần Hải N, sinh ngày 10/7/2015. Từ khi chị Th đi lao động Đài Loan và anh T đi chấp hành án tại Trại giam, thì cả hai cháu đều do ông bà nội là ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Th (bố mẹ anh T) đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con, nếu không đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật, hiện tại anh T đang chấp hành án, nếu được nuôi con, anh T đề nghị Tòa án tạm giao cho bố mẹ anh T chăm sóc các cháu đến khi anh T chấp hành án xong.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh T đang chấp hành án, anh đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2023 UBND xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam cung cấp: chị Trương Thị Thu Th có hộ khẩu thường trú tại thôn HX, xã Trần HĐ, chị Th và anh T kết hôn năm 2013. Năm 2019 chị Th đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan đến nay chưa về, anh T đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam NK thời hạn là 6 năm 6 tháng tù, hai con chung của anh T, chị Th hiện do ông bà nội là ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th (bố mẹ anh T) chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại biên bản làm việc ngày 09/5/2023 bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ anh T) trình bày: anh Trần Văn T và chị Trương Thị Thu Th kết hôn năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình nhà ông bà. Năm 2019 chị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2020 anh T do chơi bời nên vi phạm pháp luật và đang phải chấp hành án tại Trại giam NK, tỉnh Ninh Bình. Từ khi chị Th đi Đài Loan, anh T chấp hành án, gia đình bà Th vẫn nuôi 02 con chung của anh T, chị Th là cháu Trần Hà Phương và cháu Trần Hải Nam. Chị Th thỉnh thoảng có gửi tiền về để hỗ trợ nuôi các cháu và đóng tiền học cho các cháu. Các cháu hiện đang học tại trường tiểu học Trần HĐ, cách nhà 300m, các cháu được chăm sóc, học hành đầy đủ. Nay chị Th, anh T ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị Th, gia đình bà Th không có ý kiến gì, tùy chị Th và anh T quyết định. Nếu anh T chị Th ly hôn, bà Th có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi các cháu cho đến khi chị Th về Việt Nam hoặc anh T chấp hành xong án tại Trại giam, nếu ông bà tiếp tục nuôi các cháu thì chị Th phải gửi tiền về để ông bà nuôi các cháu. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản trình bày ý kiến của cháu Trần Hà Ph ngày 09/5/2023. Cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 22/02/2014 học lớp 3B, em là Trần Hải N, sinh ngày 10/7/2015, học lớp 2B tại trường tiểu học Trần HĐ. Nguyện vọng của các cháu mong muốn bố T, mẹ Th đoàn tụ. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Ph muốn được ở với mẹ, cháu N muốn ở cùng với bố mẹ. Nay bố mẹ không có ở nhà, các cháu muốn vẫn tiếp tục được ở với ông bà nội, để các cháu đi học ở gần trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 37, 147, 227, 228, 469, 470, 471, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Thu Th. Cho chị Trương Thị Thu Th được ly hôn anh Trần Văn T; Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 22/02/2014 cho chị Trương Thị Thu Th; giao cháu Trần Hải N, sinh ngày 10/7/2015 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ph và cháu N đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Ph và cháu N cho ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đến khi chị Th về Việt Nam, anh T chấp hành án xong. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trương Thị Thu Th phải chị án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ hiện nay: Tầng 4, số 63-3, ngõ 394, khu 2, đường NS, quận Luzhu, thành phố ĐV, lãnh thổ Đài Loan (có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc); địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: thôn HX, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam. Bị đơn anh Trần Văn T, nơi ĐKHKTT: thôn HX, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án tại Trại giam NK, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, các văn bản, đơn đề nghị, hộ chiếu của chị Th gửi cho Tòa án đều có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn

hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Bị đơn anh Trần Văn T đã có bản tự khai trình bày ý kiến quan điểm về việc ly hôn và xin giải quyết vắng mặt đề ngày 09/5/2023, có xác nhận của Trại giam NK. Bà Nguyễn Thị Th có ý kiến quan điểm và xin vắng mặt. Do đó theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào các đề nghị của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin được xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu Th và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện LN, tỉnh Hà Nam. Hôn nhân giữa chị Trương Thị Thu Th và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ anh T, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 3 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019, tháng 9 năm 2019 chị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2020 anh T vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án phạt tù trại Trại giam NK, từ đó đến nay mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Th là không còn, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Anh T, chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh T và chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Thu Th là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Thu Th.

[3.2] Về con chung: chị Trương Thị Thu Th và anh Trần Văn T xác định anh chị có hai con chung là cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 22/02/2014 và cháu Trần Hải N, sinh ngày 10/7/2015, từ khi chị Th đi nước ngoài, anh T chấp hành án, thì hai cháu đang ở cùng với ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th (ông bà nội) chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Th và anh T đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi cả hai con; nguyện vọng của cháu Ph muốn được ở với mẹ, cháu N muốn được ở với cả bố và mẹ, bố mẹ đang đi vắng các cháu mong muốn tiếp tục được ở với ông bà nội.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị Th đang lao động tại Đài Loan, anh T đang chấp hành án tại Trại giam, điều kiện trực tiếp nuôi hai con chung cả anh T và chị Th tạm thời không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Thực tế cả hai cháu Ph và cháu N đều đang ở cùng với ông Nh và bà Th (ông bà nội) chăm sóc nuôi dưỡng, ăn học.

Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, khả năng của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con. Chị Th hiện đang lao động tại Đài Loan, có thu nhập, theo lời trình bày của bà Th (mẹ anh T) thì chị Th đi Đài Loan có nhờ ông bà chăm sóc nuôi các cháu và thỉnh thoảng có gửi tiền về ông bà chăm sóc các cháu. Bà Th cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị Th về Việt Nam hoặc anh T chấp hành án xong. Căn cứ vào quyền lợi của trẻ được chung sống với người trực tiếp nuôi hoặc duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi, không làm xáo trộn môi trường sống và giáo dục của các cháu. Do vậy cần giao cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph; giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tuy nhiên trong thời gian chị Th chưa về Việt Nam, anh T chưa chấp hành án xong, cần phải tạm giao cháu Ph và cháu N cho ông Nh và bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, cho đến khi chị Th về Việt Nam, anh T chấp hành án xong. Trong thời gian ông Nh và bà Th chăm sóc nuôi các cháu, chị Th có trách nhiệm gửi tiền về để ông Nh bà Th nuôi các cháu.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th và anh T đều xác định không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thu Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu Th về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" đối với anh Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử ly hôn giữa chị Trương Thị Thu Th và anh Trần Văn T. Hôn nhân giữa chị Trương Thị Thu Th và anh Trần Văn T chấm dứt kể từ

ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Thu Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 22/02/2014; Giao cho anh Trần Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hải N, sinh ngày 10/7/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Trong thời gian chị Th đang ở Đài Loan chưa về Việt Nam, anh T đang chấp hành án. Tạm giao hai cháu Trần Hà Ph và cháu Trần Hải N cho ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th (ông bà nội) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu thay thế chị Th và anh T đến khi chị Th về Việt Nam, anh T chấp hành án xong. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này; về cấp dưỡng cho con: do mỗi người nuôi một con, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Trương Thị Thu Th và anh Trần Văn T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thu Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000055 ngày 16/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

5. Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Trần Thị Sâm

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *Cục THA-DS tỉnh Ninh Bình;*
- *Phòng KTNV-THA;*
- *UBND xã Đạo Lý, huyện LN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu Tòa DS; HCTP.*